

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

I.1. Tổng quan về dự án

1. Tên dự án: Dự án Mở rộng mái che kho than NMNĐ Vĩnh Tân 4

2. Tổng mức đầu tư: 430.873.446.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí BT, HTTĐC:	Đã thực hiện ở NMNĐ Vĩnh Tân 4
- Chi phí xây dựng:	361.254.693.955 đồng
- Chi phí thiết bị:	2.719.444.444 đồng
- Chi phí QLDA:	5.889.441.519 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	16.756.043.320 đồng
- Chi phí khác:	18.983.064.370 đồng
- Chi phí dự phòng:	25.270.758.903 đồng

3. Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Đại diện chủ đầu tư quản lý dự án: Ban Quản lý dự án Điện 3

4. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn nhà nước ngoài đầu tư công do EVN thu xếp theo Quyết định số 1228/QĐ-EVN ngày 28/11/2024 của EVN về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng năm 2025

5. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành tháng 4/2026

6. Địa điểm xây dựng: Tại khu vực kho than hiện hữu NMNĐ Vĩnh Tân 4 nằm trong TTĐL Vĩnh Tân, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng)

7. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Cung cấp lượng than có độ ẩm theo thiết kế để đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định, giảm hiện tượng tắc than khi độ ẩm tăng cao trong mùa mưa.

Nâng sức chứa của kho than kín để đáp ứng nhu cầu than của NMNĐ Vĩnh Tân 4&4MR vận hành liên tục từ 05 ngày đêm lên khoảng 15 ngày đêm trong các trường hợp điều kiện thời tiết bất lợi, mưa gió trong thời gian dài, đồng thời hạn chế tối đa việc phát tán bụi than từ kho than ra khu vực xung quanh, đảm bảo các vấn đề về môi trường.

Đáp ứng chỉ đạo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tại các văn bản: số 5242/BTNMT-KSONMT ngày

6/8/2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với NMNĐ Vĩnh Tân 4&4MR, số 6527/BTNMT-KSONMT ngày 24/9/2024 về việc tăng cường thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại TTĐL Vĩnh Tân và Giấy phép môi trường số 47/GPMT-BTNMT ngày 17/01/2025 cấp phép cho NMNĐ Vĩnh Tân 4.

Dự án mở rộng mái che kho than NMNĐ Vĩnh Tân 4 được thể kế tương tự như mái che hiện hữu. Mở rộng thêm 02 module, kích thước mỗi module 83x205 m, chiều cao đỉnh mái che so với mặt đất 41,876 m, mái che gồm 02 nhịp khung, nhịp lớn nhất 101 m. Giữa các module và phần mở rộng mái che với mái che kho than hiện hữu được bao che bằng tấm kim loại.

I.2. Tổng quan về gói thầu:

1. Về gói thầu:

Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-EVN ngày 24/47/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Mục đích lựa chọn nhà thầu tư vấn Kiểm toán độc lập dự án hoàn thành Dự án Mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Thông tư số 91/2025/TT-BTC và các quy định liên quan khác, bao gồm các nội dung sau:

i) Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vốn tự có EVN cho Dự án Mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 theo quy định.

ii) Lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

iii) Lập và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập theo đúng quy định.

II. Phạm vi công việc:

1. Nhiệm vụ cụ thể

Nhiệm vụ kỹ thuật của gói thầu bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung: Tuân thủ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Thông tư số 91/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành (cùng các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế có liên quan); Tuân thủ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 của Bộ Tài chính; Tuân thủ các quy định về quyết toán dự án hoàn thành do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành; Kiểm tra, đối chiếu, đánh giá tính chính xác, phù hợp giữa số liệu của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành so với số liệu của dự án được hạch toán trên phần mềm kế toán.

Nhà thầu Tư vấn Kiểm toán sẽ thực hiện kiểm toán các nội dung theo yêu cầu tại Mục I.8 (Mục đích tuyển chọn nhà thầu) nêu trên, Nhà thầu kiểm toán phải thực hiện các công việc Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

dự án Mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- i) Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án.
- ii) Kiểm tra nguồn vốn đầu tư của dự án.
- iii) Kiểm toán chi phí đầu tư.
- iv) Kiểm toán chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản.
- v) Kiểm toán tài sản hình thành sau đầu tư.
- vi) Kiểm toán tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng.
- vii) Xem xét việc chấp hành của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có).
- viii) Nhận xét, đánh giá, kiến nghị sau khi kiểm toán. Nhà thầu Tư vấn kiểm toán lập Báo cáo kiểm toán; Lập, phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Thông tư số 91/2025/TT-BTC và các quy định liên quan khác.

2. Nội dung chi tiết

2.1. Kiểm toán hồ sơ pháp lý

Công việc kiểm toán sẽ bao gồm kiểm tra các nội dung sau:

- Trình tự lập và duyệt văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản;
- Việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về Đầu tư xây dựng và các quy trình, quy định của Chủ đầu tư;
- Việc chấp hành trình tự lựa chọn nhà thầu của các gói thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Việc tuân thủ quy định về ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu so với các quy định của pháp luật về hợp đồng.

2.2. Kiểm toán chi phí đầu tư

Nhà thầu Tư vấn Kiểm toán thực hiện kiểm toán lần lượt theo cơ cấu chi phí đầu tư xây dựng: chi phí Xây dựng; chi phí Thiết bị; chi phí Quản lý dự án; chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí Khác.

2.2.1. Nguyên tắc thực hiện kiểm toán

a) Kiểm toán tính tuân thủ các quy định về hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; loại hợp đồng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Kiểm tra số liệu tổng hợp chi phí và các khoản mục do chủ đầu tư lập trong báo cáo quyết toán. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu theo quy định.

b) Trường hợp chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được lập thiết kế, dự toán riêng cho hạng mục: thực hiện thẩm tra như thẩm tra gói thầu xây dựng độc lập.

c) Trường hợp chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được tính theo tỷ lệ (%) trong gói thầu xây dựng chính (không lập thiết kế, dự toán riêng): kiểm tra việc áp dụng tỷ lệ (%) trên cơ sở kết quả thẩm tra gói thầu xây dựng chính.

d) Trường hợp chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường được tính trọn gói: kiểm tra như kiểm tra gói thầu xây dựng theo hình thức hợp đồng trọn gói.

2.2.2. Kiểm toán chi phí xây dựng

a) Đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện:

Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra gói thầu căn cứ vào hình thức giá hợp đồng và thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư ký thỏa thuận giao việc cho một đơn vị thuộc chủ đầu tư để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra thực hiện như sau:

- Đối chiếu các nội dung, khối lượng trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Đối chiếu sự phù hợp giữa đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt.

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã nghiệm thu theo quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

b) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “hợp đồng trọn gói”:

Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là quyết toán A - B) với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo quy định.

Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với đơn giá ghi trong bảng tính giá trị hợp đồng. Trường hợp nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng, thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký; không tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

c) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng theo đơn giá cố định”:

- Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng công việc thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã nghiệm thu theo quy định.

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với đơn giá cố định ghi trong bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

d) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh” (hoặc “Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh”):

- Căn cứ hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá quyết toán.

Trường hợp có điều chỉnh về khối lượng, phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định.

Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

Trường hợp điều chỉnh theo chính sách của Nhà nước phải căn cứ nội dung trong hợp đồng, các chính sách được áp dụng phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng (đã ghi trong hợp đồng) để xác định giá trị được điều chỉnh. Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra.

đ) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng kết hợp”:

Hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng kết hợp” phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm b, c, d khoản này.

e) Đối với các trường hợp phát sinh chi phí: thẩm tra phải căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng tương ứng với từng loại hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2.2.3. Kiểm toán chi phí thiết bị

a) Đối với gói thầu do chủ đầu tư tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu:

Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với đơn vị hạch toán phụ thuộc để thực hiện gói thầu: việc thẩm tra gói thầu căn cứ vào hình thức giá hợp đồng và thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản này.

Trường hợp chủ đầu tư ký thỏa thuận giao việc cho một đơn vị thuộc chủ đầu tư để thực hiện gói thầu, việc thẩm tra thực hiện như sau:

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị đề nghị quyết toán với biên bản nghiệm thu, dự toán chi phí thiết bị được phê duyệt để xác định giá trị quyết toán phần mua sắm thiết bị.

- Thẩm tra chi phí gia công, lắp đặt thiết bị đối với thiết bị cần gia công, cần lắp đặt theo dự toán được duyệt và được nghiệm thu đúng quy định. Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá đã thẩm tra.

- Thẩm tra các khoản chi phí liên quan: chi phí vận chuyển thiết bị từ nơi mua về đến chân công trình, chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, chi phí khác.

b) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “hợp đồng trọn gói”: Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình, giá của thiết bị trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với danh mục, chủng loại, cấu hình, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, giá của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành của hợp đồng. Nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và quy định của hợp đồng thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không tính lại đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

c) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng theo đơn giá cố định”:

- Đối chiếu danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng thực hiện đã nghiệm thu theo quy định.

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A - B với đơn giá cố định ghi trong bảng tính giá hợp đồng.

- Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã nghiệm thu theo quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

d) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh” (hoặc “Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh”):

Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi và phương thức điều chỉnh của hợp đồng.

Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để xác định khối lượng thực hiện đã nghiệm thu theo quy định.

Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh đơn giá ghi trong hợp đồng để xác định đơn giá quyết toán.

Trường hợp điều chỉnh do chính sách của Nhà nước phải căn cứ nguyên tắc ghi trong hợp đồng và các chính sách được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng để xác định giá trị được điều chỉnh.

đ) Đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức “giá hợp đồng kết hợp” cần xác định rõ phạm vi hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định hoặc giá điều chỉnh. Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các điểm b, c, d nêu trên.

e) Các trường hợp phát sinh chi phí:

Thẩm tra các trường hợp phát sinh phải căn cứ các quy định về điều chỉnh hợp đồng tương ứng với từng loại hợp đồng.

2.2.4. Kiểm toán chi phí Quản lý dự án

- Thực hiện theo Quy định của Bộ Tài chính về quản lý sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư.

- Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư, ban quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Chủ đầu tư theo từng thời kỳ đã thực hiện các dự án.

2.2.5. Kiểm toán chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác

a) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: Kiểm tra các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

b) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.

c) Đối với các khoản chi phí tư vấn, chi phí phi tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian: Đối chiếu đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận trong hợp đồng với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu. Các khoản chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, chi khác căn cứ quy định về phương thức thanh toán ghi trong hợp đồng để kiểm toán (theo chứng từ hoá đơn hợp lệ hoặc theo đơn giá khoán đã thỏa thuận trong hợp đồng).

d) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ phần trăm: Kiểm tra các điều kiện quy định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ để xác định giá trị chi phí của từng loại công việc.

đ) Đối với các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác tính theo dự toán chi tiết được duyệt: Đối chiếu giá trị đề nghị quyết toán với dự toán được duyệt để đánh giá mức độ hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí.

e) Đối với các khoản chi phí tư vấn, chi phí phi tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian: Đối chiếu đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận trong hợp đồng với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu. Các khoản chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, chi khác căn cứ quy định về phương thức thanh toán ghi trong hợp đồng để kiểm toán (theo chứng từ hoá đơn hợp lệ hoặc theo đơn giá khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng).

f) Đối với các khoản chi phí tư vấn, chi phí phi tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định, giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, giá hợp đồng kết hợp: Kiểm toán áp dụng theo quy định kiểm toán chi phí xây dựng đối với gói thầu hợp đồng theo hình thức hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định, giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, giá hợp đồng kết hợp tại điểm 3.2.3 mục 3.2 trên.

g) Đối với chi phí lãi vay: kiểm toán và xác định lãi vay phát sinh theo từng thời kỳ trên cơ sở nguồn vốn vay thực tế đã giải ngân cho các dự án liên quan

2.3. Kiểm toán nguồn vốn đầu tư:

- So sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức đầu tư được duyệt;

- Đối chiếu vốn đầu tư thực hiện, đã thanh toán theo từng nguồn vốn qua từng năm so với số vốn đã EVN đã cấp;

- Kiểm toán việc thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định (nếu có);

- Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư; việc quản lý và sử dụng các loại vốn đầu tư của dự án.

2.4. Kiểm toán tài sản hình thành, bàn giao đưa vào sử dụng (nếu có)

Kiểm toán và xác định danh mục và giá trị tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn hình thành, bàn giao đưa vào sử dụng (nếu có) của các dự án do EVN đã thực hiện.

2.5. Kiểm toán tình hình công nợ

a) Căn cứ kết quả kiểm toán chi phí đầu tư, số tiền đã thanh toán cho các đơn vị đã thực hiện của chủ đầu tư để xác định rõ từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả theo đúng đối tượng.

b) Xem xét kiến nghị phương án xử lý đối với các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày

2.6. Xem xét việc chấp hành của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có)

2.7. Lập báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc kiểm toán, Nhà thầu Tư vấn kiểm toán lập báo cáo kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan và quy định tại Hợp đồng tư vấn kiểm toán, các báo cáo kiểm toán độc lập theo Mục 2 nêu trên

Hỗ trợ, tham gia giải trình, làm việc, bảo vệ kết quả kiểm toán trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra...) trong phạm vi công việc được giao

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Sau khi kết thúc kiểm toán, Nhà thầu Tư vấn kiểm toán lập Báo cáo kiểm toán theo quy định, bao gồm:

+ Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Mở rộng mái che kho than Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4

- Số lượng: Gồm 05 bộ báo cáo kiểm toán độc lập.

- Tiến độ nộp báo cáo: 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Ban QLDA Điện 3 có thông báo Nhà thầu tư vấn bắt đầu thực hiện.

3. Địa điểm thực hiện và giao nộp hồ sơ:

Tại Trụ sở Ban Quản lý dự án Điện 3, số 25 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Kinh nghiệm của nhà thầu:

Nhà thầu tư vấn kiểm toán phải đáp ứng điều kiện về kinh nghiệm quy định tại Chương III, E-HSMT này

2. Nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu bố trí Đoàn cung cấp dịch vụ đảm bảo bao gồm: Trưởng đoàn kiểm toán; trưởng nhóm kiểm toán về kinh tế, tài chính; trưởng nhóm kiểm toán về kỹ thuật; kiểm toán viên và kỹ thuật viên phải đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá và các điều kiện quy định tại Chương III - E-HSMT này.

Nêu rõ cách thức làm việc của Đoàn cung cấp dịch vụ, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí.

Kiểm toán viên phải tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, chính trực, khách quan; có năng lực chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm thực tế và tính thận trọng, bí mật; có tư cách nghề nghiệp và tuân thủ chuẩn mực chuyên môn.

Kiểm toán viên phải được giao việc phù hợp với năng lực chuyên môn, hiểu rõ và nhất quán về quy trình kiểm toán, kế hoạch tổ chức thực hiện kiểm toán và phải được hướng dẫn đầy đủ, giám sát từng bước công việc theo đúng quy trình kiểm toán.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết có liên quan, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện công việc kiểm toán;
- Bố trí những người có trách nhiệm và chuyên môn làm việc với Nhà thầu kiểm toán;
- Phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu thực hiện hợp đồng đạt kết quả yêu cầu;
- Hỗ trợ địa điểm làm việc tại trụ sở Ban Quản lý Dự án Điện 3 trong thời gian thực hiện kiểm toán khi có yêu cầu từ nhà thầu;
- Tổ chức đi thực địa địa điểm dự án khi có yêu cầu từ nhà thầu;
- Thông báo cho Nhà thầu tư vấn đề giải trình kết quả thực hiện gói thầu trong quá trình thẩm định kết quả kiểm toán
- Khi đủ điều kiện theo quy định của hợp đồng, tổ chức nghiệm thu và thanh toán giá trị hợp đồng cho Nhà thầu tư vấn kiểm toán.
- Cùng bàn bạc và đi đến thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của Nhà thầu.
- Thực hiện biện pháp khắc phục các tồn tại được phát hiện trong quá trình kiểm toán.
- Sau khi nhận được Báo cáo kiểm toán độc lập theo quy định của hợp đồng tư vấn kiểm toán, Bên mời thầu kiểm tra và báo cáo/ trình EVN xem xét phê duyệt.

VI. Trách nhiệm của nhà thầu

- Nhà thầu tư vấn bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán hiện hành;
- Thực hiện đúng chương trình kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bí mật số liệu;
- Thường xuyên trao đổi, bàn bạc với bên mời thầu và các bên liên quan để giải quyết các vướng mắc trong quá trình kiểm toán, đáp ứng tiến độ và chất lượng công việc mà hai bên đã thống nhất;
- Nộp báo cáo kiểm toán cho Bên mời thầu đúng thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan, hợp lý của thông tin đưa ra trong báo cáo kiểm toán;
- Nhà thầu phối hợp cùng với Bên mời thầu giải trình, bảo vệ số liệu quyết toán các dự án đã được kiểm toán với các bên liên quan (EVN, cơ quan ban ngành,...) theo yêu cầu của Bên mời thầu khi cần thiết để được EVN chấp thuận

VII. Các yêu cầu khác

- Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

- Đối với nhà thầu liên danh, kinh nghiệm, năng lực của liên danh được tính bằng tổng kinh nghiệm, năng lực của các thành viên liên danh, nhà thầu thực hiện phần công việc nào phải đáp ứng năng lực, kinh nghiệm tương ứng của phần công việc đó.

- Nhà thầu phải kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nhân sự đề xuất thực hiện gói thầu và scan nộp cùng E-HSDT theo qui định của E-HSMT để phục vụ đánh giá E-HSDT, bao gồm:

+ Các tài liệu chứng minh Nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành để thực hiện gói thầu theo qui định của E-HSMT.

+ Các tài liệu chứng minh về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu: các hợp đồng dịch vụ tư vấn (đầy đủ trang) và Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành hoặc biên bản quyết toán/thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của chủ đầu tư.

+ Các tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn đảm nhận các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đề xuất:

o Văn bằng, Hợp đồng lao động, Chứng chỉ hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên ngành phù hợp theo qui định.

o Hợp đồng dịch vụ tư vấn (kèm theo danh sách nhân sự thực hiện hợp đồng) và biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc theo hợp đồng hoặc hồ sơ quyết toán/ thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác.

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).